

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thành

Các Thẩm phán: Ông Trần Anh Khoa

Bà Huỳnh Thị Xuân Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 05/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số 153/2023/TLPT-HS ngày 17/11/2023 đối với bị cáo **Lê L** do có kháng cáo của bị cáo **Lê L** đối với bản án hình sự sơ thẩm số 205/2023/HS-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Lai (Lai Khi), sinh năm 1983 tại thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ A S, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở hiện nay: Số I N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Lê Quốc T** (chết) và bà **Nguyễn Thị T1** (sinh năm 1954); Có vợ là **Cao Thị Bích T2** (sinh năm 1987) và có 01 con sinh năm 2021; Tiền án: không; tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 108A/2004/HSST ngày 05/8/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã xử phạt **Lê L** 14 (Mười bốn) năm tù về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác ngày 02/02/2018;

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 147/QĐ-XPHC ngày 20/6/2019 của Công an thành phố N đã xử phạt **Lê L** bằng hình thức phạt tiền với mức phạt

2.500.000 đồng về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe người khác”; chấp hành xong ngày 20/6/2019;

+ Quyết định số 344/QĐ-UB ngày 24/01/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K đã quyết định đưa vào trường giáo dưỡng đối với Lê L với thời hạn 24 (hai mươi bốn) tháng; chấp hành xong ngày 26/01/2003.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê L: Luật sư Trần Văn S, Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh K. Vắng mặt.

Ngoài ra còn có bị cáo Nguyễn Thị Anh Đ không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 08/10/2021, Phạm Chung H đi bộ trên địa bàn phường V, thành phố N xem ai để tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đến khu nhà trọ tại địa chỉ số F đường P, phường V, thành phố N, H leo tường rào vào bên trong khu nhà trọ thì thấy trước hành lang nhà trọ có để nhiều xe máy; phòng trọ số 07 không khóa cửa; bên trong phòng có anh Trần Tân T3 đang nằm ngủ. thấy vậy, H lén lút đi vào phòng trọ lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 màu hồng, có dung lượng 64Gb và 01 ví da bên trong có 3.000.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân rồi bỏ đi về nhà. Sau đó, H kiểm tra ví da vừa trộm được có 01 giấy đăng ký xe máy hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 79H1-579.45, nên H nảy sinh ý định trộm cắp xe máy trên. H quay lại khu nhà trọ rồi leo tường rào vào bên trong khu nhà trọ; H đi vào phòng số 07 lấy chùm chìa khóa của anh T3 rồi đi ra mở cổng nhà trọ và khởi động xe máy hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 79H1-579.45 điều khiển bỏ đi. Đến khoảng 04 giờ 00 phút cùng ngày, anh T3 ngủ dậy phát hiện bị mất trộm những tài sản trên nên đến Công an phường V, thành phố N trình báo sự việc. Sau khi xem camera an ninh của nhà trọ thấy hình ảnh của đối tượng trộm cắp, anh T3 lấy hình ảnh này nhờ chị ruột là chị Trần Lâm Hùng L1 đi tìm để tìm người trộm cắp mua lại xe máy.

Đến khoảng 07 giờ 00 phút ngày 08/10/2021, chị L1 nhờ Lê L đi tìm đối tượng trộm cắp để mua lại xe máy hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 79H1-579.45. Chị L1 đưa L xem hình ảnh của đối tượng trộm cắp nhưng L không nhận biết được là ai. Lại lấy hình ảnh này đưa cho Nguyễn Thị Anh Đ xem và nhờ Đ tìm xe máy giúp. Sau khi xem hình ảnh thì Đ nhận biết được đối tượng trộm cắp tài sản là Phạm Chung H. Đ hỏi H có trộm cắp tài sản trên không và xin mua lại xe máy thì H thừa nhận việc H trộm cắp và đồng ý cho Đ mua lại với giá 2.000.000 đồng. Nghe vậy, Đ gọi điện cho L nói giá tiền mua xe máy là 7.000.000 đồng thì L báo giá tiền mua xe máy cho L1 là 9.000.000 đồng. Sau đó, L nhận 9.000.000 đồng từ L1 rồi đi gặp Đ và đưa cho Đ 7.500.000 đồng. Đ giao xe máy hiệu Yamaha

Exciter, biển kiểm soát 79H1- 579.45 cho **L** và **L1** rồi đến nhà của **H** đưa cho **H** 2.000.000 đồng.

Đối với **Phạm Chung H**: Ngày 01/6/2022, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã tuyên phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 205/2023/HS-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã áp dụng điểm khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê L** 03 (Ba) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm hình sự đối với **Nguyễn Thị Anh Đ**, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24/7/2023, **Lê L** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo **Lê L** thay đổi nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Kháng cáo của bị cáo **Lê L** trong thời hạn nên hợp lệ. Cấp sơ thẩm áp dụng điểm khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lê L** 03 (ba) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo nhiều có tình tiết giảm nhẹ; giá trị hưởng lợi không lớn; có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê L**, sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo **Lê L** được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị cáo **Lê L** trong thời hạn quy định của pháp luật nên vụ án được xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư **Trần Văn S** vắng mặt nhưng bị cáo **Lê L** đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Lê L** đã khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo **Nguyễn Thị Anh Đ** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở để kết luận: **Lê L** cùng với **Nguyễn Thị Anh Đ** đã có hành vi tiêu thụ 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 79H-579.45 do **Phạm Chung H** trộm cắp mà có. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Lê L** về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo **Lê L**: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc, xem xét đến tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; được người bị thiệt hại xin giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, xử phạt bị cáo **Lê L** 03 (ba) tháng tù là có căn cứ và đúng pháp luật. Ngày 05/8/2004, bị cáo **Lê L** bị xử phạt 14 năm tù, chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác ngày 02/02/2018; ngày 26/01/2003, **Lê L** chấp hành xong Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng số 344/QĐ-UB ngày 24/01/2000 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh K**; ngày 20/6/2019, **Lê L** chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 147/QĐ-XPHC ngày 20/6/2019 của **Công an thành phố N**; tính đến ngày phạm tội là ngày 08/10/2021, bị cáo đương nhiên được xóa án tích và đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; tính chất, mức độ của tội phạm mới được bị cáo **L** thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo **L** được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo **Lê L** được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê L**,

Sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo **Lê L** được hưởng án treo;

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Lê L**,

Xử phạt: Bị cáo **Lê L** 03 (ba) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 05/3/2024).

Giao bị cáo **Lê L** cho **Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo **Lê L** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 05/3/2024).

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP Nha Trang;
- VKSND TP Nha Trang;
- Công an TP Nha Trang;
- Chi cục THA dân sự TP Nha Trang;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Thành